

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CHĂN NUÔI
CHUYÊN NGÀNH 1: KHOA HỌC VẬT NUÔI (CN1)
CHUYÊN NGÀNH 2: DINH DƯỠNG VÀ CÔNG NGHỆ THỨC ĂN CHĂN NUÔI (CN2)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CN03504: CHĂN NUÔI DÊ VÀ THỎ (GOAT AND RABBIT PRODUCTION)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 5
- Tín chỉ: **2 (Lý thuyết: 1,5 – Thực hành: 0,5 – Tự học: 6,0)**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 14 tiết
 - + Thuyết trình và thảo luận trên lớp: 8,5 tiết
 - + Thực hành trong phòng thí nghiệm: 2,5 tiết
 - + Thực hành tại các cơ sở chăn nuôi: 5 tiết
- Tự học: 60 tiết (theo kế hoạch cá nhân hoặc hướng dẫn của giảng viên)
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Chăn nuôi chuyên khoa
 - Khoa: Chăn nuôi
- Học phần thuộc khối kiến thức

Đại cương <input type="checkbox"/>		Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>				Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>			
		Chuyên ngành 1 <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành 2 <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành 1 <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành 2 <input checked="" type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>

- Học phần học song hành: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh Tiếng Việt

II. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

*** Mục tiêu của học phần:**

Học phần nhằm trang bị cho người học kiến thức về chăm sóc và nuôi dưỡng dê và thỏ. Người học được rèn luyện những kỹ năng cơ bản về tính toán phối hợp khẩu phần ăn cho dê thỏ, có khả năng lập kế hoạch, tổ chức sản xuất, vận hành và giải quyết vấn đề trong trang trại chăn nuôi dê thỏ. Học phần cũng giúp cho người học rèn luyện tinh thần làm việc nghiêm túc, tuân thủ quy định, và tăng cường khả năng thích ứng, chủ động phối hợp làm việc nhóm.

*** Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Kết quả học tập mong đợi của chương trình Cử Nhân Chăn nuôi	
Sau khi hoàn thành chương trình, sinh viên có thể:	
Kiến thức tổng quát	CĐR 1: Áp dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào lĩnh vực Chăn nuôi
Kiến thức chuyên ngành	CĐR 2: Phân tích các yếu tố tác động đến sản xuất giống, dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe vật nuôi
	CĐR 3: Đánh giá hiệu quả sản xuất giống, dinh dưỡng, chăm sóc vật nuôi
	CĐR 4: Thiết kế các chương trình sản xuất chăn nuôi đảm bảo phát triển bền vững.
Kỹ năng tổng quát	CĐR 5: Vận dụng tư duy sáng tạo, tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề trong nghiên cứu khoa học, thực tiễn nghề nghiệp một cách hiệu quả
	CĐR 6: Phối hợp làm việc nhóm trong hoạt động chuyên môn đạt mục tiêu đề ra ở vị trí là thành viên hay nhà quản lý
	CĐR 7: Giao tiếp hiệu quả bằng đa phương tiện, thích nghi với môi trường đa văn hóa; đạt chuẩn tiếng Anh theo qui định của Bộ GD&ĐT.
Kỹ năng chuyên ngành	CĐR 8: Vận dụng các kỹ năng khảo sát, thu thập và xử lý thông tin phục vụ NCKH, phát triển công nghệ và quản lý sản xuất ngành chăn nuôi có hiệu quả
	CĐR 9: Ứng dụng kỹ thuật, công nghệ và các mô hình phù hợp vào sản xuất chăn nuôi bền vững
	CĐR 10: Sử dụng công nghệ thông tin và các trang thiết bị hiện đại của ngành Chăn nuôi phục vụ sản xuất, kinh doanh đạt mục tiêu đề ra
	CĐR 11: Thực hiện thành thạo các qui trình kỹ thuật cơ bản và chuyên sâu trong chăn nuôi
Thái độ và phẩm chất đạo đức	CĐR 12: Tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp
	CĐR 13: Thể hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng và tôn trọng phúc lợi động vật
	CĐR 14: Thể hiện tinh thần học tập suốt đời

*** Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên học phần	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT						
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7
CN03504	Chăn nuôi dê và thỏ			R		P		P
		CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14

Kí hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CDR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Đánh giá quy trình kỹ thuật trong công tác giống, dinh dưỡng, thức ăn và chăm sóc từng đối tượng vật nuôi	CDR 3: Đánh giá hiệu quả sản xuất giống, dinh dưỡng, chăm sóc vật nuôi
Kỹ năng		
K2	Phân biệt năng suất suất thân thịt và chất lượng thịt của dê và thỏ dựa trên kết quả mổ khảo sát	CDR 5: Vận dụng tư duy sáng tạo, tư duy phân biện và kỹ năng giải quyết vấn đề trong nghiên cứu khoa học, thực tiễn nghề nghiệp một cách hiệu quả.
K3	Viết báo cáo về nhu cầu dinh dưỡng của dê thỏ dựa vào thông tin thu thập từ internet và thư viện	CDR 7: Giao tiếp hiệu quả bằng đa phương tiện, thích nghi với môi trường đa văn hóa; đạt chuẩn tiếng Anh theo qui định của Bộ GD&ĐT.

III. Nội dung tóm tắt của học phần

CN03504. Chăn nuôi dê và thỏ (Goat and rabbit production) (2TC:1,5-0,5-6). Học phần bao gồm các chương: Tổng quan về tình hình chăn nuôi dê và thỏ trong nước và trên thế giới; Giống và công tác giống dê và thỏ; Đặc điểm dinh dưỡng và thức ăn của dê và thỏ; Chuồng trại nuôi dê và nuôi thỏ; Kỹ thuật chăn nuôi các loại dê; Kỹ thuật chăn nuôi các loại thỏ. Học phần có 3 bài thực hành, gồm:

- **Bài 1:** Phương pháp phối hợp khẩu phần cho dê
- **Bài 2:** Khảo sát chuồng trại, quy trình chăn nuôi dê và thỏ.
- **Bài 3:** Mổ khảo sát thỏ

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng kết hợp tổ chức dạy học theo nhóm, dạy học dựa trên vấn đề
- Giảng dạy thông qua phim tư liệu và thảo luận
- Giảng dạy thông qua thực hành và tham quan thực tế
- Dạy qua E-learning:

<http://elearning.vnu.edu.vn/ch%E1%BB%A7-%C4%91%E1%BB%81/chan-nuoi?page=2> .

- MS Teams: Giảng dạy và đánh giá học phần online.

2. Phương pháp học tập

- Sinh viên tự đọc giáo trình, tài liệu tham khảo,
- Tham gia thảo luận, trao đổi trên lớp
- Tìm tài liệu, thảo luận
- Xem phim tư liệu, thực hành
- E-learning: Tham gia học trực tuyến và làm bài tập/bài kiểm tra, tra cứu tài liệu qua hệ thống E-learning hoặc MS teams.

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: SV phải tham dự ít nhất 75% số tiết lý thuyết của học phần và tham gia các hoạt động trên lớp (thảo luận trên lớp và trên E-learning...).
- Thực hành: Sinh viên phải tham dự tất cả các nội dung thực hành

- Thi cuối kì: Hoàn thành bài thi cuối kỳ.

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần: là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

- Điểm quá trình: 40%
 - + Tham dự lớp: 10%
 - + Thực bài tiểu luận: 30%
- Điểm thi cuối kì: 60%

3. Phương pháp đánh giá

Rubric đánh giá	KQHTMD được đánh giá	Trọng số (%)	Thời gian/Tuần học
Đánh giá quá trình		40	
Rubric 1. Đánh giá tham dự lớp	K1, K2	10	Tuần 1-9
Rubric 2. Đánh giá tiểu luận (thực hành là điều kiện bắt buộc nhưng không tính điểm)	K1, K2, K3	30	Tuần 3-8
Đánh giá cuối kì		60	
Rubric 3. Thi cuối kì	K1, K2	60	Theo lịch của HV

Rubric 1: Đánh giá tham dự lớp

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Thái độ tham dự	50	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/không tham gia
Thời gian tham dự	50	Vắng ≤ 10%	Vắng ≤ 15%	Vắng ≤ 25% (không có lý do) hoặc Vắng ≤ 30% (có lý do)	Vắng >25% (không có lý do) hoặc Vắng >30% (có lý do)

Rubric 2: Đánh giá tiểu luận

Sinh viên hoàn thành đủ và các nội dung thực hành mới được giao nội dung tiểu luận để hoàn thành đánh giá quá trình (Rubric 1 và Rubric 2).

Tiêu chí	Trọng số %	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Cấu trúc	5	Cân đối, hợp lý	Khá cân đối, hợp lý	Tương đối cân đối, hợp lý	Không cân đối, thiếu hợp lý
Nội dung	Đặt vấn đề 10	Phân tích rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích khá rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích tương đối rõ ràng tầm	Phân tích chưa rõ ràng tầm

					quan trọng của vấn đề	quan trọng của vấn đề
	Nền tảng lý thuyết	40	Trình bày đủ nội dung quan trọng	Trình bày thiếu 1 nội dung quan trọng	Trình bày thiếu 2 nội dung quan trọng	Trình bày thiếu > 2 nội dung quan trọng
	Lập luận, phân tích	20	Hoàn toàn chặt chẽ, logic	Khá chặt chẽ, logic; còn 1-2 sai sót nhỏ	Tương đối chặt chẽ, logic; còn 2 sai sót nhỏ	Không chặt chẽ, logic
Kết luận		15	Phù hợp và đầy đủ	Khá phù hợp và đầy đủ	Tương đối phù hợp và đầy đủ	Không phù hợp và đầy đủ
Hình thức trình bày (font chữ, căn lề, format...)	Format, lỗi chính tả	10	Nhất quán về format trong toàn bài. Không có lỗi chính tả	Vài sai sót nhỏ về format. Một vài lỗi nhỏ	Vài chỗ không nhất quán. Lỗi chính tả khá nhiều	Rất nhiều chỗ không nhất quán. Lỗi rất nhiều và do sai chính tả và typing câu thả

Rubric 3: Đánh giá cuối kỳ

Thi cuối kì: dạng bài thi trắc nghiệm

Nội dung kiểm tra	Chỉ báo thực hiện của học phần được đánh giá qua câu hỏi	KQHTMD của học phần được đánh giá
Giống và công tác giống dê và thỏ	Chỉ báo 1: Vai trò, ý nghĩa, các khái niệm và nguyên lý cơ bản về chọn giống, nhân giống và quản lý phối giống dê và thỏ; Các đặc điểm ngoại hình và tính năng sản xuất của các giống dê và thỏ phổ biến.	K1, K2
Dinh dưỡng và thức ăn của dê và thỏ	Chỉ báo 2: Những đặc thù sinh lý tiêu hoá của gia súc nhai lại, đặc điểm dinh dưỡng và cách sử dụng các loại thức ăn của dê và thỏ. Các nguyên lý cơ bản để xây dựng khẩu phần và chế độ ăn cho dê và thỏ.	K1, K2
Chuồng trại và quản lý chất thải dê và thỏ	Chỉ báo 3: Những khái niệm và nguyên lý cơ bản trong xây dựng chuồng trại cho dê và thỏ; Các chi tiết của chuồng trại liên quan đến sức khỏe, tập tính, phúc lợi động vật và hiệu quả chăn nuôi; Vận dụng kiến thức về các loại chất thải của dê và thỏ và ảnh hưởng gây ô nhiễm môi trường của chúng để xác định phương pháp quản lý chất thải dê và thỏ phù hợp	K1, K2
Chăn nuôi dê và thỏ đực giống	Chỉ báo 4: Đặc điểm sinh lý sinh dục, sinh tinh và các yếu tố ảnh hưởng tới khả năng sản xuất tinh của dê và thỏ đực để xây dựng các quy trình kỹ thuật nuôi dưỡng, quản lý và khai thác dê và thỏ đực giống.	K1, K2

Chăn nuôi dê và thỏ cái sinh sản	Chỉ báo 5: Đặc điểm sinh lý sinh dục của dê và thỏ và các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất sinh sản để xây dựng các quy trình kỹ thuật nuôi dưỡng, quản lý và điều khiển sinh sản ở dê và thỏ cái sinh sản.	K1, K2
Chăn nuôi dê và thỏ con	Chỉ báo 6: Đặc điểm sinh trưởng của dê và thỏ con để xây dựng các quy trình kỹ thuật nuôi dưỡng và quản lý dê và thỏ ở các giai đoạn khác nhau.	K1, K2
Chăn nuôi dê sữa	Chỉ báo 7: Quy luật phát triển của tuyến sữa, đặc điểm sinh lý tạo sữa và các yếu tố ảnh hưởng trong quy trình kỹ thuật nuôi dưỡng dê sữa và khai thác sữa.	K1, K2
Chăn nuôi dê và thỏ thịt	Chỉ báo 8: Đặc điểm phát triển của các mô trong thân thịt liên quan đến các quy luật sinh trưởng và nhu cầu dinh dưỡng, năng suất, chất lượng thịt và các yếu tố ảnh hưởng để xác định quy trình kỹ thuật nuôi dưỡng và quản lý dê và thỏ thịt.	K1, K2

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

Lý thuyết: Có mặt trên lớp học lý thuyết ít nhất 75% số tiết quy định.

Thực hành: Tham gia đầy đủ số giờ quy định cho phần thực hành và phải có báo cáo thực hành.

Tham dự thi cuối kỳ: Trường hợp không tham gia bài thi cuối kỳ sẽ nhận điểm không.

Yêu cầu về đạo đức: Ăn mặc gọn gàng, có thái độ tôn trọng, lễ phép và cư xử đúng mực với thầy cô và bạn học. Không sử dụng điện thoại và làm việc riêng trong lớp.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

- **Sách giáo trình**

1. Dinh Văn Bình, Nguyễn Xuân Trạch, Nguyễn Thị Tú (2008). Giáo trình chăn nuôi dê và thỏ. Nhà xuất bản Nông Nghiệp - Hà Nội

- **Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Xuân Trạch (2011) Sử dụng phụ phẩm nuôi gia súc nhai lại. NXB Nông nghiệp- Hà Nội.
2. Lê Đức Ngoan (ch.b) và Dư Thanh Hằng (2014). Giáo trình Dinh dưỡng vật nuôi. Nhà xuất bản Học viện Nông Nghiệp.

VIII. Kế hoạch giảng dạy học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ
LÝ THUYẾT		
	Chương 1: Khái quát về dê và chăn nuôi dê (2 tiết)	K1, K2, K3
1	A/ Các nội dung chính trên lớp: Nội dung GD lý thuyết (1.5 tiết) <ul style="list-style-type: none"> • Nguồn gốc của dê nhà • Phân loại dê • Một số tập tính của dê 	

<ul style="list-style-type: none"> Vai trò, ý nghĩa và các lợi thế của chăn nuôi dê Những khó khăn và hạn chế của chăn nuôi dê Tình hình chăn nuôi dê trên thế giới và ở Việt Nam <p>Nội dung semina/thảo luận: (0.5 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> Những thuận lợi và khó khăn trong chăn nuôi dê Xu hướng phát triển chăn nuôi dê hiện nay <p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (4 tiết) Sinh viên tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi cuối chương.</p>		
<p>Chương 2: Giống và công tác giống dê (2 tiết)</p>		K1, K2, K3
<p>A/ Các nội dung chính trên lớp:</p> <p>Nội dung GD lý thuyết (1.5 tiết)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguồn gốc và đặc thù sinh học của dê <ol style="list-style-type: none"> 1.1. Nguồn gốc và phân loại của dê 1.2. Một số đặc tính sinh học của dê 2. Giới thiệu một số giống dê phổ biến <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Các giống dê nội 2.2. Các giống dê nhập nội 2.3. Các loại dê lai 3. Kỹ thuật chọn lọc và nhân giống dê <ol style="list-style-type: none"> 3.1. Chọn dê cái giống 3.2. Chọn dê đực giống 3.3. Kỹ thuật nhân giống dê 4. Kỹ thuật theo dõi quản lý đàn dê <ol style="list-style-type: none"> 4.1. Kỹ thuật đánh số hiệu dê 4.2. Kỹ thuật theo dõi năng suất của dê 4.3. Phương pháp xem răng đoán tuổi dê <p>Nội dung semina/thảo luận: (0.5 tiết)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Kỹ thuật chọn lọc và nhân giống dê 2. Kỹ thuật theo dõi quản lý đàn dê 		K1, K2, K3
<p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (4 tiết) Sinh viên tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi cuối chương.</p>		K1, K2, K3
<p>Chương 3: Dinh dưỡng và thức ăn của dê (2 tiết)</p>		K1, K2, K3
<p>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (1.5 tiết)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Sinh lý tiêu hoá của dê <ol style="list-style-type: none"> 1.1. Cấu tạo bộ máy tiêu hoá 1.2. Quá trình tiêu hoá thức ăn 2. Nhu cầu dinh dưỡng của dê 		K1, K2, K3

<p>2.1. Nhu cầu vật chất khô 2.2. Nhu cầu năng lượng và protein 2.3. Nhu cầu khoáng và vitamin 2.4. Nhu cầu nước uống</p> <p>3. Thức ăn cho dê</p> <p>3.1. Các loại thức ăn thông dụng 3.2. Trồng các loại cây thức ăn 3.3. Chế biến và dự trữ thức ăn</p> <p>4. Xây dựng khẩu phần và chế độ ăn cho dê</p> <p>4.1. Yêu cầu chung của khẩu phần ăn 4.2. Kỹ thuật phối hợp khẩu phần 4.3. Chế độ cho dê ăn</p> <p>Nội dung semina/thảo luận: (0.5 tiết)</p> <p>1. Nhu cầu dinh dưỡng của dê 2. Phối hợp khẩu phần ăn cho dê</p>		
<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (4 tiết) Sinh viên tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi cuối chương.</p>		K1, K2, K3
<p>Chương 4: Chuồng trại nuôi dê (2 tiết)</p>		K1, K2, K3
<p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (1.5 tiết)</p> <p>1. Nguyên tắc xây dựng chuồng trại</p> <p>1.1. Yêu cầu chung về chuồng trại 1.2. Yêu cầu về các chi tiết chuồng nuôi</p> <p>2. Một số kiểu chuồng nuôi dê thông dụng</p> <p>2.1. Chuồng nuôi dê nông hộ 2.2. Chuồng nuôi dê quy mô lớn</p> <p>3. Vệ sinh chuồng nuôi dê</p> <p>3.1. Vệ sinh thường xuyên 3.2. Vệ sinh định kỳ</p> <p>Nội dung semina: (0.5 tiết) Một số kiểu chuồng nuôi dê thông dụng</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (4 tiết) Sinh viên tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi cuối chương.</p>		K1, K2, K3
<p>Chương 5: Kỹ thuật chăn nuôi các loại dê (3.5 tiết)</p>		K1, K2, K3
<p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (2.5 tiết)</p> <p>1. Chăn nuôi dê cái sinh sản</p> <p>1.1. Hoạt động sinh dục của dê cái 1.2. Phối giống cho dê cái 1.3. Nuôi dưỡng và chăm sóc dê cái mang thai 1.4. Hộ lý và chăm sóc dê đẻ</p>		K1, K2, K3

	<p>2. Chăn nuôi dê dục giống</p> <p>2.1. Hoạt động sinh dục của dê dục</p> <p>2.2. Nuôi dưỡng dê dục giống</p> <p>2.3. Chăm sóc dê dục giống</p> <p>3. Nuôi dưỡng và chăm sóc dê con</p> <p>3.1. Nuôi dê sơ sinh</p> <p>3.2. Nuôi dê bú sữa</p> <p>3.3. Cai sữa</p> <p>3.4. Nuôi dê sau cai sữa</p> <p>3.5. Nuôi dê hậu bị</p> <p>4. Chăn nuôi dê thịt</p> <p>4.1. Đặc điểm sinh trưởng và phát triển của dê</p> <p>4.2. Chọn dê nuôi thịt</p> <p>4.3. Kỹ thuật nuôi dê sinh trưởng</p> <p>4.4. Kỹ thuật vỗ béo dê</p> <p>5. Chăn nuôi dê sữa</p> <p>5.1. Sinh lý tiết sữa</p> <p>5.2. Nuôi dưỡng dê vắt sữa</p> <p>5.3. Chăm sóc dê vắt sữa</p> <p>5.4. Kỹ thuật vắt sữa</p> <p>5.5. Kỹ thuật cạn sữa</p> <p>5.6. Chăm sóc dê cạn sữa</p> <p>6. Một số kỹ thuật đặc biệt trong chăm sóc dê</p> <p>6.1. Kỹ thuật bắt giữ</p> <p>6.2. Kỹ thuật cắt khỉ sừng</p> <p>6.3. Kỹ thuật cắt móng chân</p> <p>Nội dung semina: (1 tiết)</p> <ol style="list-style-type: none"> Một số kiểu chuồng nuôi dê thông dụng Kỹ thuật chăn nuôi dê sữa Kỹ thuật chăn nuôi dê thịt 		
	<p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (7 tiết)</p> <p>Sinh viên tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi cuối chương.</p>		K1, K2, K3
4	<p>Chương 6: Khái quát về thỏ và chăn nuôi thỏ (2 tiết)</p> <p>A/Các nội dung chính trên lớp:</p> <p>Nội dung GD lý thuyết (1.5 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> Nguồn gốc của thỏ nhà Những đặc thù sinh học của thỏ Vai trò, ý nghĩa và các lợi thế của chăn nuôi thỏ Những khó khăn và hạn chế của chăn nuôi thỏ 		K1, K2, K3

	<ul style="list-style-type: none"> • Tình hình chăn nuôi thỏ trên thế giới và ở Việt Nam <p>Nội dung semina/thảo luận: (0.5 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Những thuận lợi và khó khăn trong chăn nuôi thỏ • Xu hướng phát triển chăn nuôi thỏ hiện nay <p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (4 tiết) Sinh viên tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi cuối chương.</p>		
	<p>Chương 7: Giống và công tác giống thỏ (3 tiết)</p>	K1, K2, K3	
5	<p>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (1.5 tiết)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguồn gốc và đặc điểm sinh học của thỏ <ol style="list-style-type: none"> 1.1. Nguồn gốc và phân loại thỏ 1.2. Một số đặc điểm sinh học của thỏ 2. Giới thiệu một số giống thỏ phổ biến <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Các giống thỏ nội 2.2. Các giống thỏ nhập nội 3. Kỹ thuật chọn lọc và quản lý thỏ giống <ol style="list-style-type: none"> 3.1. Kỹ thuật chọn thỏ giống 3.2. Kỹ thuật ghép đôi giao phối 3.3. Quản lý đàn thỏ giống 3.4. Loại thải thỏ giống <p>Nội dung semina/thảo luận: (0.5 tiết)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Giới thiệu một số giống thỏ phổ biến 2. Kỹ thuật chọn lọc và quản lý thỏ giống 	K1, K2, K3	
	<p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (4 tiết) Sinh viên tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi cuối chương.</p>	K1, K2, K3	
	<p>Chương 8: Dinh dưỡng và thức ăn của thỏ (2 tiết)</p>	K1, K2, K3	
5	<p>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (1.5 tiết)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Sinh lý tiêu hoá <ol style="list-style-type: none"> 1.1. Cấu tạo bộ máy tiêu hoá của thỏ 1.2. Quá trình tiêu hoá thức ăn của thỏ 2. Nhu cầu dinh dưỡng <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Nhu cầu vật chất khô <ol style="list-style-type: none"> 2.1.1 Nhu cầu năng lượng và protein 2.1.2. Nhu cầu khoáng và vitamin 2.2. Nhu cầu nước uống 3. Thức ăn cho thỏ <ol style="list-style-type: none"> 3.1. Các loại thức ăn thông dụng 3.2. Kỹ thuật trồng và sử dụng một số cây thức ăn 3.3. Chế biến thức ăn 	K1, K2, K3	

	<p>4. Xây dựng khẩu phần ăn</p> <p>4.1. Yêu cầu chung của khẩu phần ăn</p> <p>4.2. Kỹ thuật phối hợp khẩu phần</p> <p>4.3. Chế độ cho thỏ ăn</p> <p>Nội dung semina/thảo luận: (0.5 tiết)</p> <p>1. Nhu cầu dinh dưỡng của thỏ</p> <p>2. Các loại thức ăn thông dụng cho thỏ</p>		
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (4 tiết)</p> <p>Sinh viên tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi cuối chương.</p>		K1, K2, K3
	<p>Chương 9: Chuồng trại nuôi thỏ (2 tiết)</p>		K1, K2, K3
6	<p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (1.5 tiết)</p> <p>1. Nguyên tắc xây dựng chuồng trại</p> <p>1.1. Yêu cầu chung về chuồng trại</p> <p>1.2. Yêu cầu về các chi tiết chuồng nuôi</p> <p>1.3. Các loại dụng cụ trong chăn nuôi thỏ</p> <p>2. Một số kiểu chuồng nuôi thỏ thông dụng</p> <p>2.1. Chuồng nuôi thỏ nông hộ</p> <p>2.2. Chuồng nuôi thỏ quy mô lớn</p> <p>3. Vệ sinh chuồng nuôi</p> <p>3.1. Vệ sinh thường xuyên</p> <p>3.2. Vệ sinh định kỳ</p> <p>Nội dung seminar: (1 tiết)</p> <p>1. Một số kiểu chuồng nuôi thỏ thông dụng</p> <p>2. Vấn đề vệ sinh môi trường trong chăn nuôi thỏ</p>		K1, K2, K3
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (4 tiết)</p> <p>Sinh viên tự đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi cuối chương.</p>		K1, K2, K3
	<p>Chương 10: Kỹ thuật chăn nuôi các loại thỏ (3 tiết)</p>		K1, K2, K3
7	<p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (2 tiết)</p> <p>1. Chăn nuôi thỏ cái sinh sản</p> <p>1.1. Hoạt động sinh dục và sinh sản của thỏ cái</p> <p>1.2. Phối giống cho thỏ cái</p> <p>1.3. Nuôi dưỡng và chăm sóc thỏ mang thai</p> <p>1.4. Hộ lý và chăm sóc thỏ đẻ</p> <p>2. Kỹ thuật chăn nuôi thỏ đực giống</p> <p>2.1. Hoạt động sinh dục của thỏ đực</p> <p>2.2. Nuôi dưỡng thỏ đực</p> <p>2.3. Chăm sóc thỏ đực</p>		K1, K2, K3

	<p>3. Nuôi dưỡng và chăm sóc thỏ con</p> <p>3.1. Nuôi thỏ sơ sinh 3.2. Nuôi thỏ bú sữa 3.3. Cai sữa 3.4. Nuôi thỏ sau cai sữa 3.5. Nuôi thỏ hậu bị</p> <p>4. Chăn nuôi thỏ thịt</p> <p>4.1. Đặc điểm sinh trưởng và phát triển của thỏ 4.2. Kỹ thuật nuôi thỏ sinh trưởng 4.3. Kỹ thuật vỗ béo thỏ 4.4. Kỹ thuật giết mổ thỏ</p> <p>5. Một số kỹ thuật đặc biệt trong chăm sóc thỏ</p> <p>5.1. Kỹ thuật bắt giữ thỏ 5.2. Phân biệt thỏ đực, thỏ cái 5.3. Vận chuyển thỏ</p> <p>Nội dung semina/thảo luận: (1 tiết)</p> <p>1. Chăn nuôi thỏ sinh sản 2. Chăn nuôi thỏ thịt 3. Một số bệnh thường gặp trong chăn nuôi thỏ</p>		
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) Sinh viên tự đọc tài liệu phần của chương và trả lời các câu hỏi cuối chương.</p>	K1, K2, K3	
THỰC HÀNH		K1, K2, K3	
Theo sắp xếp của Ban Quản lý đào tạo	<p>A/ Tóm tắt các nội dung thực hành: (15 tiết quy đổi)</p> <p>Bài 1. Phối hợp khẩu phần trong chăn nuôi dê (5 tiết) Giới thiệu phần mềm được sử dụng trong phối hợp khẩu phần cho dê Biết được nhu cầu dinh dưỡng của dê qua các giai đoạn khác nhau.</p> <p>Bài 2. Khảo sát chuồng trại quy trình chăn nuôi dê (5 tiết) Giới thiệu các mô hình chăn nuôi dê Giới thiệu các kiểu chuồng trại, các thiết bị chăn nuôi chăn nuôi dê</p> <p>Bài 3. Mổ khảo sát thỏ (5 tiết) Hiểu được cấu tạo bộ máy tiêu hoá của thỏ Biết được phương pháp xác định tỷ lệ thịt mót hàm, tỷ lệ thịt xẻ,...</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (30 tiết) Sinh viên tự tìm hiểu trước về các kiểu chuồng và các vật tư trang thiết bị dùng cho chăn nuôi dê và thỏ. Sinh viên tự tìm hiểu trước về bộ máy tiêu hoá của thỏ và xác định tỷ lệ thịt mót hàm, tỷ lệ thịt xẻ,...</p>	K1, K2, K3	

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

Phòng học, thực hành: giảng đường, phòng học có sức chứa 50-60 sinh viên, gọn gàng và sạch đẹp và có thể truy cập Internet. Phòng thực hành đủ chỗ ngồi cho sinh viên và đủ diện tích cho nội dung thực hành.

Phương tiện phục vụ giảng dạy: có đầy đủ máy chiếu projector tốt, có bảng chiếu, bảng viết phấn, máy tăng âm, có hệ thống loa phát để xem băng hình, hệ thống dây ổ điện và phích cắm; Cơ sở vật chất đầy đủ cho việc học E-learning.

X. Các đợt cải tiến

Lần 1 (7/2018)

- Cập nhật tình hình chăn nuôi dê và thỏ trên thế giới và trong nước

Lần 2 (7/2019)

- Cập nhật tình hình chăn nuôi dê và thỏ trên thế giới và trong nước; giới thiệu thêm một số giống dê và thỏ mới.

- Bổ sung những tiến bộ KHKT mới (vắt sữa dê bằng máy, thụ tinh nhân tạo cho dê và thỏ, v.v...).

Lần 3 (7/2020)

- Cập nhật tình hình chăn nuôi dê và thỏ trên thế giới và trong nước hàng năm; Bổ sung nguồn gốc dê và thỏ (phân loại động vật và quá trình thuần hóa); Cập nhật các kiến thức mới về giống, dinh dưỡng, chuồng trại, sản xuất chăn nuôi các loại dê và thỏ.

- Sử dụng MS Teams trong giảng dạy; Cập nhật nhiều sơ đồ và hình ảnh mới trong bài giảng PPT

Lần 4 (7/2021)

- Cập nhật số liệu về tình hình chăn nuôi dê và thỏ trên thế giới và trong nước; Cập nhật các tiểu tiết trong từng bài giảng; Giới thiệu thêm phần mềm phối hợp khẩu phần cho bò cho dê.

- Cập nhật tiểu tiết bài giảng PPT và các videos.

- Hoàn thiện bộ câu hỏi tự luận và trắc nghiệm, áp dụng cho cả kiểm tra/thi trực tiếp và trực tuyến.

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Trần Hiệp

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Phạm Kim Đăng

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

(Ký và ghi rõ họ tên)

GS.TS. Nguyễn Xuân Trạch

KT. GIÁM ĐỐC

(Ký và ghi rõ họ tên)



PHÓ GIÁM ĐỐC

GS.TS. Phạm Văn Cường

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Xuân Trạch	Học hàm, học vị: GS. TS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Chăn nuôi chuyên khoa, Khoa Chăn nuôi	Điện thoại liên hệ: 0904148104
Email: nxtrach@vnua.edu.vn	Trang web:
Cách liên hệ với giảng viên	Email, điện thoại và Elearning

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Dương Huyền	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Chăn nuôi chuyên khoa, Khoa Chăn nuôi	Điện thoại liên hệ: 0946281183
Email: ntdhuyen@vnua.edu.vn	Trang web:
Cách liên hệ với giảng viên	Email, điện thoại và Elearning

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Ngọc Bằng	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Chăn nuôi chuyên khoa, Khoa Chăn nuôi	Điện thoại liên hệ:
Email: nngbang@vnua.edu.vn	Trang web:
Cách liên hệ với giảng viên	Email, điện thoại và Elearning